

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29-4-2021

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Hữu Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Năng

2. Ông Ngô Phúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Hồng Em – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 457/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Minh T, sinh năm 1988; Địa chỉ: Ấp P, xã B, huyện C, tỉnh An Giang (có đơn đề nghị xét xử mặt)

2. *Bị đơn:* Huỳnh Thị H, sinh năm 1992; Ấp P, xã B, huyện C, tỉnh An Giang (có đơn đề nghị xét xử mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 28/10/2020, quá trình tố tụng nguyên đơn ông Nguyễn Minh T trình bày:

- Về hôn nhân: Ông và bà Huỳnh Thị H kết hôn năm 2011, hôn nhân do tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn ngày 31/7/2012 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên bất hòa, cự cãi. Vợ chồng ông không còn tôn trọng và tin tưởng nhau nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nay ông không còn tình cảm với bà H nên yêu cầu được ly hôn với bà H.

- Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Thành L, sinh ngày 15/5/2012. Sau khi ly hôn ông yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu bà H cấp dưỡng.
- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết
- * Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/3/2021 bị đơn bà Huỳnh Thị H trình bày:
 - Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Minh T kết hôn năm 2011, hôn nhân do tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn ngày 31/7/2012 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng bà sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bà và ông T bất đồng quan điểm sống, bà không hòa hợp với gia đình chồng nên vợ chồng bà thường xuyên cự cãi, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nay bà không còn tình cảm với ông T nên trước yêu cầu ly hôn của ông T thì bà đồng ý ly hôn.
 - Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Thành L, sinh ngày 15/5/2012. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng.
 - Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết
 - * Tại biên bản ghi nhận ý kiến con chung ngày 09/3/2021 cháu Nguyễn Thành L trình bày nguyện vọng được sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn để ổn định việc học
 - * Tại phiên tòa:
 - Ông Nguyễn Minh T và bà Huỳnh Thị H có đơn đề nghị tòa án xét xử vắng mặt, không có văn bản thay đổi ý kiến đã trình bày trong quá trình tố tụng.
 - Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:
 - + Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.
 - + Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ông T được ly hôn với bà H, bà H được quyền nuôi con chung, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Quan hệ tranh chấp: Tranh chấp giữa ông Nguyễn Minh T và bà Huỳnh Thị H là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2 Thẩm quyền giải quyết: Căn cứ sổ hộ khẩu số 010398649 ngày 15/6/2020 xác định bà Huỳnh Thị H đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp P, xã B, huyện C, tỉnh An Giang. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân

huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

1.3 Về sự có mặt của đương sự: Ông Nguyễn Minh T và bà Huỳnh Thị H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: Ông Nguyễn Minh T và bà Huỳnh Thị H kết hôn năm 2011, hôn nhân do tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn ngày 31/7/2012 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Xét về nguyên nhân mâu thuẫn ông Nguyễn Minh T trình bày sau khi kết hôn vợ chồng ông bà sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng trong việc xử lý chuyện nội bộ gia đình, bất đồng quan điểm sống. Hiện nay ông T và bà H không còn sống chung, ông T không còn tình cảm với bà H nên yêu cầu được ly hôn. Bà Huỳnh Thị H trình bày vợ chồng bà sau khi kết hôn sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bà không hòa hợp với gia đình chồng nên giữa bà và ông T thường xuyên bất hòa, cự cãi. Hiện nay bà không còn tình cảm với ông T nên đồng ý yêu cầu ly hôn của ông T. Như vậy hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T.

2.2 Về con chung: Ông Nguyễn Minh T và bà Huỳnh Thị H có một con chung tên Nguyễn Thành L, sinh ngày 15/5/2012, hiện cháu L do bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu bà H cấp dưỡng. Bà H yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng. Hội đồng xét xử nhận thấy hiện nay cháu L còn nhỏ, để tránh làm xáo trộn đời sống, ảnh hưởng đến việc học của cháu nên căn cứ vào Điều 81 luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H được tiếp tục nuôi dưỡng cháu L.

2.3 Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Huỳnh Thị H có ý kiến không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên hội đồng xét xử không xem xét.

2.4 Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Ông T là nguyên đơn nên phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân

và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh T.

1. *Về hôn nhân:* Ông Nguyễn Minh T được ly hôn bà Huỳnh Thị H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 137/2012 quyền số I/2012 ngày 31/7/2012 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. *Về con chung:* Bà Huỳnh Thị H được quyền tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Thành L, sinh ngày 15/5/2012.

Ông Nguyễn Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. *Về án phí sơ thẩm:* Ông Nguyễn Minh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007379 ngày 26/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

4. *Quyền kháng cáo:* Ông Nguyễn Minh T và bà Huỳnh Thị H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đỗ Hữu Phúc